



Công ty cổ phần Vinam
Mã chứng khoán: CVN

Báo cáo thường niên 2022
Số 1904/2023/BC-TN



PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0102174005 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 04/10/2022.

Vốn điều lệ: 296.999.910.000 VND (Hai trăm chín mươi sáu tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số điện thoại: 0243.6343085 Fax: 0243.5626613

Website: <https://vinamgroup.com.vn/>

Mã cổ phiếu: CVN

Sàn niêm yết: HNX

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân là công ty cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam (được thành lập ngày 14/02/2007, đến tháng 12/2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinam) với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng.

Các mốc phát triển chủ yếu:

○ Năm 2010: Niêm yết HNX và Tăng vốn điều lệ lên 32.500.000.000 VND

- Thực hiện chủ trương đại chúng hóa và niêm yết thị trường chứng khoán, năm 2010 Ban lãnh đạo Công ty quyết tâm thực hiện tái cơ cấu mô hình công ty phù hợp với xu hướng chung. Ngày 06/08/2010 đánh dấu bước ngoặt phát triển khi lần đầu tiên cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CVN.

- Tháng 12/2010 Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 1.700.000 cổ phiếu; chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu là 250.000 cổ phiếu; chào bán cho cổ đông chiến lược là 300.000 cổ phiếu; Công ty thực hiện thành công tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 32.500.000.000 đồng.

○ Năm 2017: Tăng vốn điều lệ lên 82.500.000.000 VND

- Tháng 12/2017 Công ty đã phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược tăng vốn điều lệ từ 32.500.000.000 đồng lên 82.500.000.000 đồng.



○ Năm 2020: Tăng vốn điều lệ lên 115.499.994.000 VND

- Tháng 12/2020 Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 82.500.000.000 đồng lên 115.499.994.000 đồng.

- **Quý I/2021: Tăng vốn điều lệ lên 197.999.994.000 VND**
- Quý I/2021 Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược tăng vốn điều lệ từ 115.499.994.000 đồng lên 197.999.994.000 đồng.
- **Quý II, III/2022: Tăng vốn điều lệ lên 296.999.910.000 VND**
- Quý II, III/2022 Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 197.999.994.000 đồng lên 296.999.910.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- *Ngành nghề kinh doanh chính:*

| | |
|--|---|
| Cung cấp các giải pháp y tế | Kinh doanh khí hóa lỏng LPG |
|  |  |

Kinh doanh, chế biến nông sản, thực phẩm ăn liền

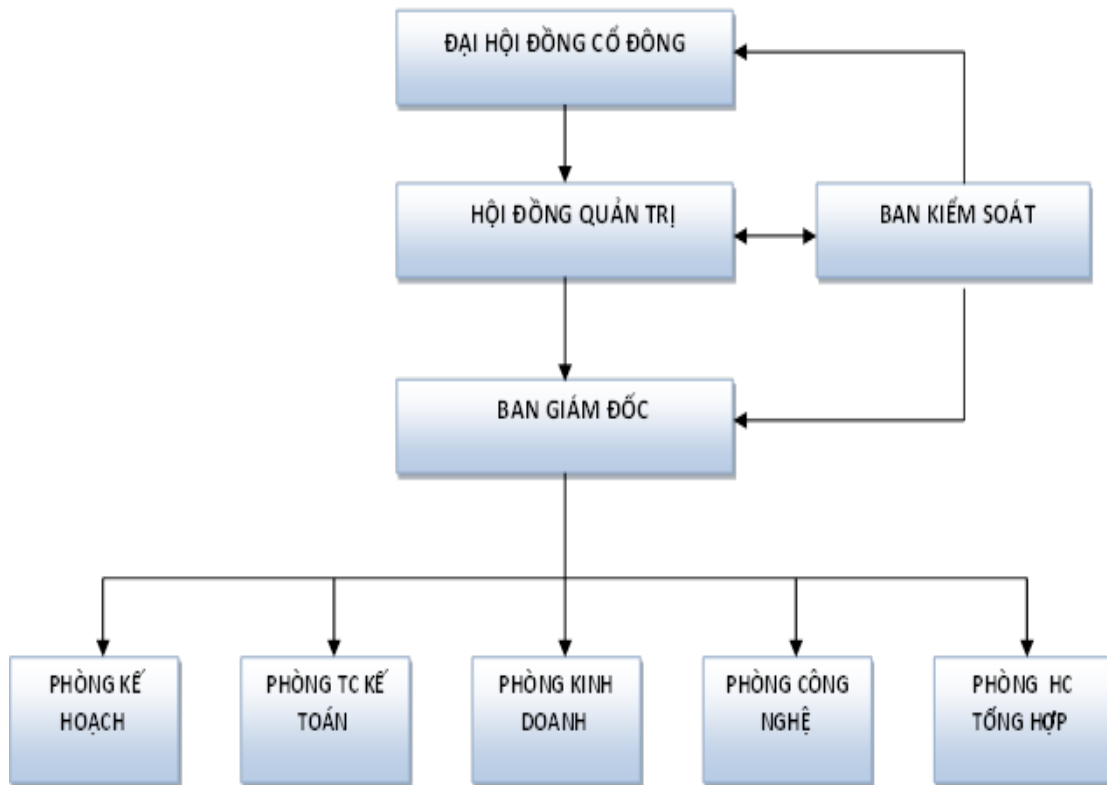
| | |
|---|--|
|  |  |
|  |  |

| | |
|--|---|
| Phân phối thực phẩm bảo vệ sức khỏe | Xây dựng nhà máy điện rác |
|  |  |
| Lễ khánh thành nhà máy đóng gói thực phẩm chức năng, rang xay và chế biến cafe | |
|  |  |

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình tổ chức:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

○ **Đại hội đồng cổ đông:**

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty như phê duyệt báo cáo quyết toán, quyết định chào bán cổ phần, cổ tức được trả; quyết định giải pháp đầu tư, phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ, quyết định các khoản đầu tư có trị giá lớn hơn 50% giá trị tài sản của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,...

○ **Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông như: quyết định tổ chức, chiến lược phát triển; phê duyệt các chính sách, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh của Công ty; trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán, quyết định chào bán cổ phần, cổ tức được trả,...

○ **Ban kiểm soát**

- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công

ty và thực hiện các công việc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

○ **Ban Giám đốc**

- Ban Giám đốc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

○ **Các phòng, ban chức năng và bộ phận trực thuộc**

- **Phòng Tài chính - Kế toán:** Tham mưu giúp Ban lãnh đạo Công ty xây dựng chiến lược, lập kế hoạch tài chính, chỉ đạo, quản lý công tác tài chính và hạch toán kế toán nhằm bảo toàn và phát triển tốt nhất nguồn lực của toàn Công ty; thực hiện chức năng quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

- **Phòng Hành chính - Nhân sự:** Tham mưu giúp Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo, điều hành, quản lý công tác hành chính, quản trị, pháp chế, văn thư lưu trữ; xây dựng chiến lược và kiểm soát các hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và môi trường làm việc của Công ty; lập kế hoạch và quản lý hoạt động nhân sự trong Công ty, ...

- **Phòng kinh doanh:** Tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu khách hàng, xây dựng thị trường tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ; Tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng; Giới thiệu sản phẩm, dịch vụ của Công ty đến các đối tác và khách hàng; Tham gia xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ,...

- **Phòng kế hoạch:** Tham mưu cho Ban giám đốc quản lý, điều hành toàn bộ kế hoạch đầu tư của Công ty; lập, lưu giữ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty; phối hợp với phòng kế toán lập tiến độ nhu cầu vốn đầu tư cho từng giai đoạn để đề xuất Ban giám đốc,...

- Các công ty con sở hữu trực tiếp: Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 07 công ty con:

| Tên | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh chính | Vốn điều lệ (đồng) | Tỷ lệ phần sở hữu |
|-----|---------|-----------------------------|--------------------|-------------------|
| | | | | |

| | | | | |
|--|--|--|----------------|--------|
| Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ y học | Số 3 phố Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ | Bán lẻ thuốc dụng cụ y tế, mỹ phẩm, vật phẩm | 4.800.000.000 | 100% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo (trước là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh) | Lô 15A cụm Công nghiệp Nam Sơn, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh | Bán máy móc thiết bị cơ khí | 50.000.000.000 | 99,98% |
| Công ty TNHH Vinam Vững Áng | Tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | Buôn bán, chế biến thực phẩm | 20.000.000.000 | 100% |
| Công ty TNHH Vinam Sài Gòn | Số 173 Cô Giang, , phường Cô Giang, quận 1, TP Hồ Chí Minh | Bán nhiên liệu dạng khí, lỏng, rắn | 47.868.000.000 | 81.20% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 | Khu Công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | Buôn bán, chế biến thực phẩm chức năng, thực phẩm đông lạnh tiệt trùng | 50.000.000.000 | 98% |
| Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam | Phòng số 302 tầng 3, Tòa tháp Tây Chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội | Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và máy tính | 30.000.000.000 | 98% |

| | | | | |
|------------------------------------|--|-------------------------------------|---------------|-----|
| Công ty Cổ phần phòng khám Ba Đình | Số 37A, dốc Phụ Sản, đường Đê La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà nội | Khám đa khoa, chuyên khoa, nha khoa | 5.000.000.000 | 98% |
|------------------------------------|--|-------------------------------------|---------------|-----|

- Các công ty con sở hữu gián tiếp: Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 03 công ty con:

| Tên | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh chính | Vốn điều lệ (đồng) | Tỷ lệ phần sở hữu |
|---|--|--|--------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo | Lô M3, cụm công nghiệp địa phương số 2. Xã Hợp Thành, huyện Cáo Lộc, tỉnh Lạng Sơn | Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí,...., các hoạt động phòng khám đa khoa, chuyên khoa | 15.000.000.000 | 80.39% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo | Khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh | Bán máy móc thiết bị cơ khí | 10.000.000.000 | 98,98% |
| Công ty Cổ phần phòng khám Nguyễn Thái Sơn | 174 Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh | Khám đa khoa, chuyên khoa, nha khoa | 10.000.000.000 | 98% |

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty Cổ phần Vinam (CVN) được thành lập năm 2007, trải qua 15 năm hình thành và phát triển, CVN ngày một xây dựng thương hiệu – vị thế trong ngành kinh doanh thương mại, dịch vụ liên quan tới: Bán buôn các thiết bị máy móc;
- CVN tiên phong áp dụng các phương pháp áp dụng công nghệ tiên tiến vào quá trình cung cấp dịch vụ.

- CVN sở hữu một đội ngũ nhân sự đoàn kết, khăng khít, sâu sắc về kiến thức, vững vàng về kỹ năng, giàu kinh nghiệm triển khai vận hành hệ thống thiết bị máy móc ở các công trình có quy mô lớn, đầy nhiệt huyết, đam mê, luôn chủ động học hỏi, luôn trong tâm thế sẵn sàng chinh phục đỉnh cao mới.
- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**
- Đảm bảo quyền lợi, gia tăng giá trị tài sản của cổ đông và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV và người lao động.
 - Giữ vững và phát huy lĩnh vực kinh doanh hiện hữu của Công ty, từng bước mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh phù hợp với nền kinh tế thị trường.
 - Từng bước xây dựng tác phong, văn hóa doanh nghiệp nhằm xây dựng Công ty trở thành ngôi nhà chung của tập thể CBNV, là nơi gửi trọn niềm tin của đối tác – khách hàng.
- **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**
- Liên tục đổi mới, áp dụng công nghệ và các phương pháp tiên tiến trên thế giới vào lĩnh vực kinh doanh của Công ty; không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp nhằm đưa Công ty trở thành một trong những công ty có đầy đủ tiềm lực, uy tín để cùng cạnh tranh với các công ty trong và ngoài nước cùng lĩnh vực kinh doanh.
 - Mở rộng và tăng cường hợp tác đối với các đơn vị trong nước và quốc tế để cùng nhau nắm bắt cơ hội, cùng phát triển.
 - Phát triển doanh nghiệp luôn đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

6. Các rủi ro

Với trách nhiệm thúc đẩy thành công mục tiêu dài hạn của Công ty, bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, Công ty luôn nhận định, đánh giá và kiểm soát các rủi ro gắn kết với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động để tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững. Trong năm 2022, kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với rủi ro, thách thức từ cả bên ngoài và từ nội tại nền kinh tế, trong đó đặc biệt là diễn biến tình hình kinh tế phức tạp, lạm phát tăng cao, lãi suất ngân hàng tăng,....

Các loại rủi ro:

- Rủi ro kinh tế:
 - i) Dịch covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, vẫn chưa được kiểm soát tại nhiều nước, nhiều khu vực, từ đó ảnh hưởng tới khả năng phục hồi của nền kinh tế thế giới, thương mại và đầu tư toàn cầu.

- ii) Cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại và công nghệ giữa các nước lớn còn diễn ra căng thẳng và khó dự đoán.
- iii) Thiên tai, lũ lụt ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu.
- Rủi ro luật pháp: Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các chính sách, quy định về môi trường, y tế, ...
 - Rủi ro tỷ giá ngoại tệ: Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, mua bán máy móc và nguồn nguyên liệu cho sản xuất thực phẩm được nhập khẩu từ Nhật Bản, Mỹ,... do đó sự thay đổi của tỷ giá ngoại tệ sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - Rủi ro lãi suất: Để phục vụ kinh doanh, đầu tư hầu hết doanh nghiệp đều có sử dụng vốn vay. Những tác động về Lãi suất tiền vay – chi phí sử dụng vốn sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.
 - Rủi ro khác: Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty như: thiên tai, dịch bệnh,...

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

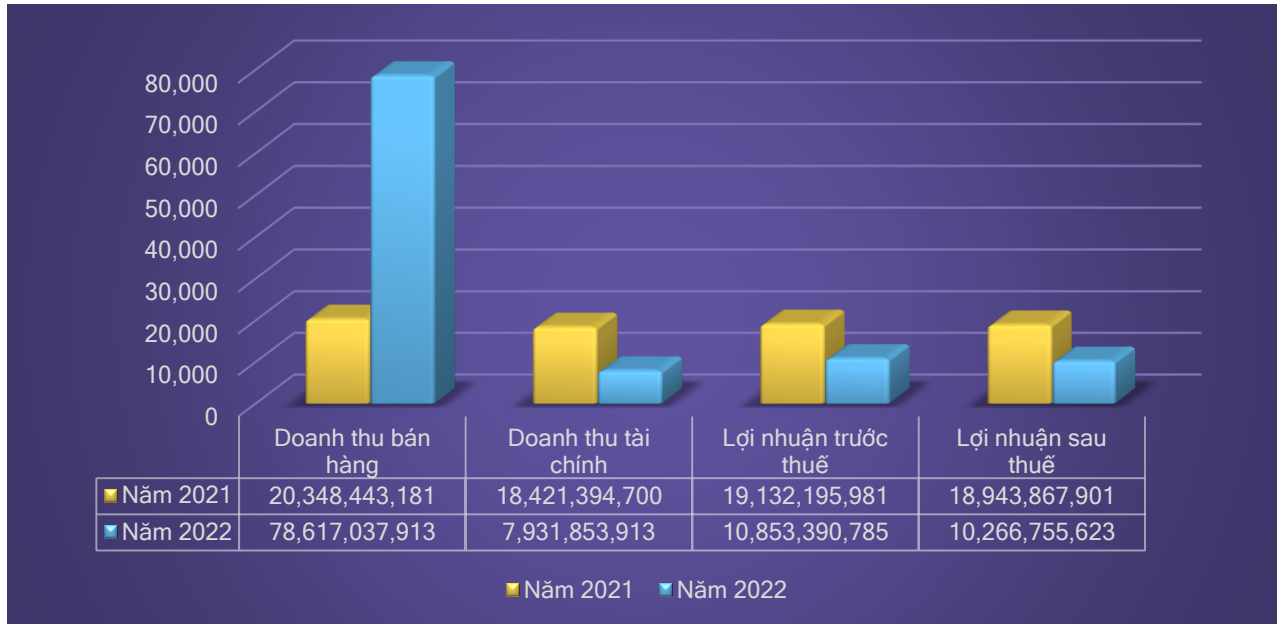
- *Kết quả kinh doanh của công ty mẹ:*

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Tỷ lệ 2022/2021 |
|--|----------------|----------------|--------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20.348.443.181 | 78.617.037.913 | 386.35% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 18.421.394.700 | 7.931.853.913 | 43.05% |
| Chi phí tài chính | 285.521.535 | 1.427.303.326 | 499.89% |
| Chi phí bán hàng | – | 344.681.804 | – |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2.538.971.113 | 2.386.391.190 | 93.99% |
| Lợi nhuận trước thuế | 19.132.195.981 | 10.853.390.785 | 56.73% |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.943.867.901 | 10.266.755.623 | 54.19% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022)

Đơn vị tính: Triệu đồng



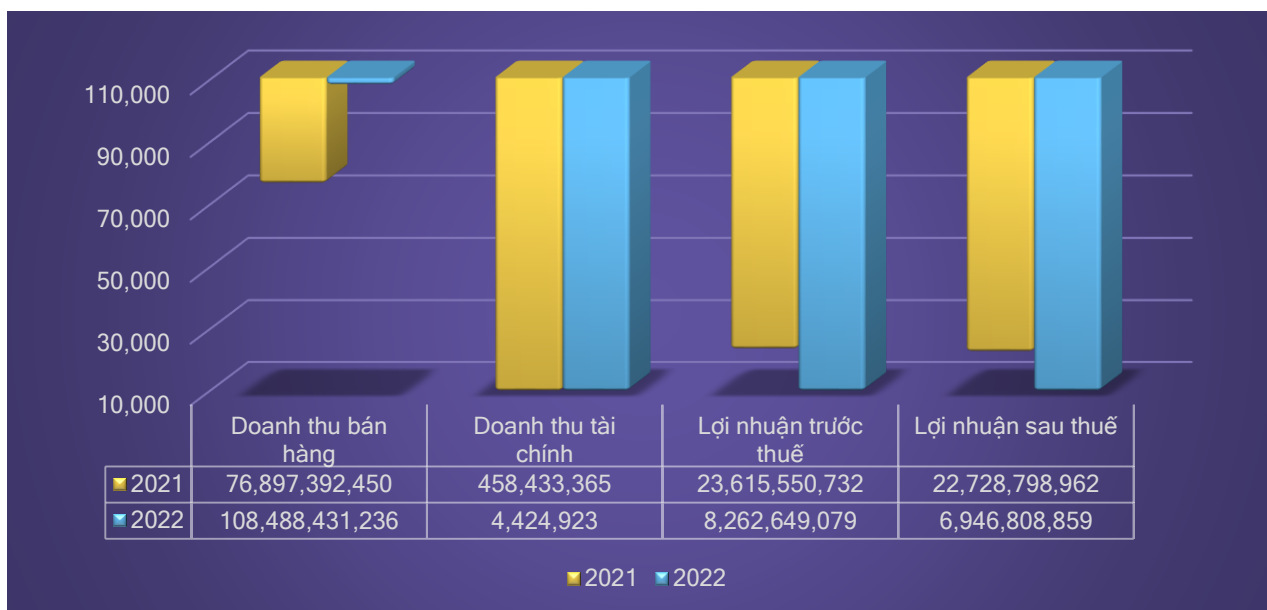
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty giảm 54.19% so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân là dù doanh thu từ hoạt động bán hàng tăng 386.35% so với năm 2021 nhưng giá vốn hàng hóa nhập vào cao và cổ tức thu về ít hơn so với năm 2021
- *Kết quả kinh doanh hợp nhất:*

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Tỷ lệ 2022/2021 |
|--|----------------|-----------------|--------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 76.897.392.450 | 108.488.431.236 | 141.08% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 458.433.365 | 4.424.923 | 0.96% |
| Chi phí tài chính | 228.972.560 | 44.477.000 | 19.42% |
| Chi phí bán hàng | 592.561.457 | 1.157.637.276 | 195.36% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5.698.844.410 | 9.434.098.790 | 165.54% |
| Lợi nhuận trước thuế | 23.615.550.732 | 8.262.649.079 | 34.99% |
| Lợi nhuận sau thuế | 22.728.798.962 | 6.946.808.859 | 30.56% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022)

Đơn vị tính: Triệu đồng



- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 108.488.431.236 tỷ đồng tương đương 141.08%% so với năm 2021 do doanh thu từ hoạt động bán hàng công ty mẹ và một số công ty con tăng so với năm 2021. Tuy nhiên Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 6.946.808.859 tỷ đồng tương đương với 30.56% so với năm 2021 do trong năm 2022 chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 165.54% và chi phí bán hàng tăng 195.36 % so với năm trước.
- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (năm 2022)*

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu tài chính (BCTC hợp nhất) | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2022 | % Thực hiện/kế hoạch |
|---------------------------------------|-------------------|---------------|----------------------------|
| Tổng doanh thu | 108.488 | 250.000 | 43.39% |
| Giá vốn hàng bán | 107.929 | 165.000 | 65.41% |
| Chi phí bán hàng | 1.157 | 2.500 | 46.28% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9.434 | 6.750 | 139.76% |
| Chi phí tài chính | 44 | 700 | 6.28% |
| Chi phí khác | 127 | 50 | 254% |
| Lợi nhuận trước thuế | 8.262 | 75.000 | 11.01% |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.946 | 60.000 | 11.57% |

(Nguồn: Kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua

Và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022)

Kết quả kinh doanh năm 2022 chưa đạt so với kế hoạch đề ra: Doanh thu đạt 43.39%; Lợi nhuận sau thuế đạt 11.57%. Nguyên nhân là trong năm 2022 tình hình dịch bệnh Covid tiếp tục ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung; mặt khác năm 2022 Công ty cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, bắt đầu triển khai một số lĩnh vực kinh doanh mới như kinh doanh, chế biến thực phẩm (gà), kinh doanh cá đông lạnh, sản xuất cà phê phục vụ xuất khẩu, phân phối thực phẩm chức năng Nhật Bản... và kinh doanh khí nên tạm thời doanh thu, lợi nhuận giảm so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

- o Danh sách Ban điều hành tại ngày 31/12/2022:

| Giám đốc: Đặng Việt Thắng | | | |
|---------------------------------------|--|----------------------|--|
| - Ngày tháng năm sinh | : 11/06/1976 | Quê quán | : Quảng Ninh |
| - Dân tộc | : Kinh | Quốc tịch | : Việt Nam |
| - Địa chỉ thường trú | : Thôn Hoàng Sơn, phường Hoàng Quế, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | | |
| - Số CMND/CCCD | : 022076010113 | Ngày cấp: 10/08/2021 | Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| - Trình độ chuyên môn | : Cử nhân kinh tế | | |
| Kế toán trưởng: Phạm Xuân Lăng | | | |
| - Ngày tháng năm sinh | : 1986 | Quê quán | : Hà Nam |
| - Dân tộc | : Kinh | Quốc tịch | : Việt Nam |
| - Địa chỉ thường trú | : Thị trấn Quế – Kim Bảng – Hà Nam | | |
| - Số CMND/CCCD | : 035086000457 | Ngày cấp: 26/09/2022 | Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| - Trình độ chuyên môn | : Cử nhân kinh tế | | |

- o Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tổng số nhân viên làm việc cho CVN và các công ty con tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 53 người.

- Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần với lao động gián tiếp. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo quy chế hiện hành của

Công ty. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

- Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

- Cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo, có năng lực tổ chức, quản lý, lãnh đạo nhóm. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, tư duy logic, phán đoán nhanh nhạy, linh hoạt, tính quyết đoán cao, khả năng phân tích tốt cũng như các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học.

- Nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty có thành tích xuất sắc, đặc biệt xuất sắc trong lao động sản xuất và công tác đều được công ty xét khen thưởng xứng đáng.

- Bên cạnh việc sản xuất kinh doanh, ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức cho cán bộ nhân viên đi tham quan nghỉ mát, thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, khen thưởng cho con của cán bộ nhân viên đạt được thành tích cao trong học tập.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án tại các công ty:

3.1 Tình hình tài chính Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ y học

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|---------------|---------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 8.690.565.573 | 6.847.757.907 | 78.79% |
| Tổng nguồn vốn | 8.690.565.573 | 6.847.757.907 | 78.79% |
| Doanh thu thuần | 3.504.950.452 | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 501.469.946 | (465.110.471) | (92.75%) |
| Lợi nhuận sau thuế | 501.469.946 | (465.110.471) | (92.75%) |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ y học)

3.2 Tình hình tài chính Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|----------------|----------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 36.863.942.851 | 58.145.426.746 | 157.72% |
| Tổng nguồn vốn | 36.863.942.851 | 58.145.426.746 | 157.72% |
| Doanh thu thuần | 15.751.616.706 | 17.547.478.150 | 111.40% |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.898.802.937 | 2.717.139.285 | 55.46% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.203.115.077 | 2.163.091.672 | 51.46% |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo)

3.3 Tình hình tài chính Công ty TNHH Vinam Vũng Áng

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|----------------|-----------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 51.728.375.902 | 26.593.508.404 | 51.41% |
| Tổng nguồn vốn | 51.728.375.902 | 26.593.508.404 | 51.41% |
| Doanh thu thuần | 16.822.864.381 | 5.276.510.000 | 31.36% |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.336.186.792 | (3.548.512.698) | (66.49%) |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.336.186.792 | (3.548.512.698) | (66.49%) |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 Công ty TNHH Vinam Vũng Áng)

3.4 Tình hình tài chính Công ty TNHH Vinam Sài Gòn

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|----------------|----------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 29.702.522.999 | 47.044.457.083 | 158.38% |
| Tổng nguồn vốn | 29.702.522.999 | 47.044.457.083 | 158.38% |
| Doanh thu thuần | 15.428.406.367 | | - |
| LN trước thuế | (163.712.525) | (532.351.916) | (325.17%) |
| LN sau thuế | (163.712.525) | (532.351.916) | (325.17%) |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 Công ty TNHH Vinam Sài Gòn)

3.5 Tình hình tài chính Công ty CP Sản xuất Phần mềm Vinam

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------|----------|----------|------------|
|----------|----------|----------|------------|

| | | | |
|----------------------|----------------|----------------|---------|
| Tổng giá trị tài sản | 11.192.505.254 | 25.258.769.001 | 225.67% |
| Tổng nguồn vốn | 11.192.505.254 | 25.258.769.001 | 225.67% |
| Doanh thu thuần | 10.542.181.817 | 9.572.555.750 | 90.80% |
| Lợi nhuận trước thuế | 8.646.280.275 | 8.082.040.579 | 93.47% |
| Lợi nhuận sau thuế | 8.646.280.275 | 8.082.040.579 | 93.47% |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 công ty CP Sản xuất Phần mềm Vinam)

3.6 Tình hình tài chính Công ty CP Công nghệ cao G7

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|----------------|----------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 54.317.030.483 | 53.890.683.415 | 99.21% |
| Tổng nguồn vốn | 54.317.030.483 | 53.890.683.415 | 99.21% |
| Doanh thu thuần | 4.236.500.000 | 3.441.000.000 | 81.22% |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.271.277.058 | (178.867.097) | (5.46%) |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.271.277.058 | (178.867.097) | (5.46%) |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 công ty CP Công nghệ cao G7)

3.7 Tình hình tài chính Công ty CP Phòng khám Ba Đình

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|---------------|---------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 4.952.168.876 | 6.020.440.744 | 121.57% |
| Tổng nguồn vốn | 4.952.168.876 | 6.020.440.744 | 121.57% |
| Doanh thu thuần | | 98.136.716 | |
| Lợi nhuận trước thuế | (50.497.790) | (401.961.086) | (795.99%) |
| Lợi nhuận sau thuế | (50.497.790) | (401.961.086) | (795.99%) |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 công ty CP Phòng khám Ba Đình)

3.8 Tình hình tài chính Công ty CP Công nghệ cao y tế và môi trường Lạng Sơn Tokyo

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|----------------|----------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 15.019.541.644 | 14.612.825.116 | 97.29% |
| Tổng nguồn vốn | 15.019.541.644 | 14.612.825.116 | 97.29% |
| Doanh thu thuần | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 19.541.644 | (423.980.698) | 2.169,62% |
| Lợi nhuận sau thuế | 16.805.814 | (423.980.698) | 2.169,62% |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo)

3.9 Tình hình tài chính Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|----------------|---------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 10.000.000.000 | 9.994.342.327 | 99.94% |
| Tổng nguồn vốn | 10.000.000.000 | 9.994.342.327 | 99.94% |
| Doanh thu thuần | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | | (25.657.673) | |
| Lợi nhuận sau thuế | | (25.657.673) | |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo)

3.10 Tình hình tài chính Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|----------------------|---------------|---------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 6.400.000.000 | 9.413.212.766 | 147.08% |
| Tổng nguồn vốn | 6.400.000.000 | 9.413.212.766 | 147.08% |
| Doanh thu thuần | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | | (578.120.568) | |
| Lợi nhuận sau thuế | | (578.120.568) | |

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn)

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính tại Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | %2022/2021 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 245.915.229.227 | 355.904.682.931 | 144.72% |
| Doanh thu thuần | 20.348.443.181 | 78.617.037.913 | 386.35% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 19.179.757.975 | 10.863.298.629 | 56.63% |
| Lợi nhuận khác | (47.546.994) | (9.907.844) | 20.83% |
| Lợi nhuận trước thuế | 19.132.195.981 | 10.853.390.785 | 56.72% |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.943.867.901 | 586.635.162 | 3.09% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022)

-Tình hình tài chính tại Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % 2022/2021 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 292.275.317.062 | 401.145.541.241 | 137.25% |
| Doanh thu thuần | 76.897.392.450 | 108.488.431.236 | 141.08% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 23.735.196.296 | 8.359.351.633 | 35.21% |
| Lợi nhuận khác | (119.645.564) | (96.702.554) | 80.82% |
| Lợi nhuận trước thuế | 23.615.550.732 | 8.262.649.079 | 34.98% |
| Lợi nhuận sau thuế | 22.728.798.962 | 6.946.808.859 | 30.56% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 |
|---|------------|-----------------|-----------------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | lần | 39,06 | 41.79 |
| + Hệ số thanh toán nhanh TSNH - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | lần | 28,77 | 37.40 |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | lần | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | lần | 0,02 | 0.021 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | lần | 0,02 | 0.021 |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | lần | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | lần | 1,02 | 1.69 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | lần | 0,26 | 0.27 |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | lần | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | lần | 0,30 | 0.06 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | lần | 0,08 | 0.02 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | lần | 0,08 | 0.02 |

| | | | |
|--|-----|------|------|
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần | lần | 0,31 | 0.07 |
|--|-----|------|------|

(Căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022)

Khả năng thanh toán: Chỉ số này cho thấy khả năng thanh toán của một doanh nghiệp, là chỉ tiêu Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn. Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn trong năm 2022 là 41.79 cho thấy khả năng thanh toán của Công ty ở mức rất an toàn.
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ của Công ty là rất thấp do công ty có hoạt động chủ yếu từ nguồn vốn tự có (các khoản nợ rất ít).

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng tăng trong năm 2022 (tăng từ 1.02 lên 1,69).

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Do nhiều khó khăn tác động trực tiếp đến Công ty trong năm 2022 nên khả năng sinh lời của Công ty bị giảm xuống. Tuy nhiên, Công ty cũng đã đề ra các kế hoạch để cải thiện hiệu quả kinh doanh, ứng phó với các khó khăn trong thời gian tới.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

- Mã chứng khoán: CVN
- Sàn niêm yết: HNX
- Ngày giao dịch đầu tiên: 06/08/2010
- Tổng số cổ phần: 29.699.991 cổ phần.
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 29.699.991 cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu lưu hành: 29.699.991 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 19.799.994 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 7.398.857 cổ phiếu phân phối cho các nhà đầu tư theo phương án xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm: Thứ 6 ngày 04/08/2023

b) Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

| STT | Tiêu chí | Số lượng cổ đông (người) | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|----------|--------------------------|------------|--------------|
|-----|----------|--------------------------|------------|--------------|

| | | | | |
|------------|---------------------------|--------------|-------------------|---------------|
| I | Cổ đông trong nước | 3.023 | 29.696.911 | 99,98% |
| 1 | Cổ đông nhà nước | - | - | - |
| 2 | Cổ đông tổ chức | 10 | 255.419 | 0,86% |
| 3 | Cổ đông cá nhân | 3.013 | 29.441.492 | 99,12% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 6 | 3.080 | 0,01% |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 3 | 380 | 0,001% |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 3 | 2.700 | 0,009% |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |
| | Tổng cộng | 3029 | 29.699.991 | 100% |

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 24/05/2022)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2022:

➤ Quý I/2021 Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược tăng vốn điều lệ từ 115.499.994.000 đồng lên 197.999.994.000 đồng.

➤ Quý II, III/2022 Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 197.999.994.000 đồng lên 296.999.910.000 đồng.

- Ngày bắt đầu chào bán: 27/05/2022
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 03/08/2022
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 9.899.997 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phiếu chào bán.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 98.999.970.000 đồng
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (từ ngày 03/08/2022 đến ngày 04/08/2023).
- Mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán: Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành riêng lẻ là 98.999.970.000 đồng, toàn bộ số tiền này sẽ được công ty sử dụng vào các mục đích bổ sung vốn lưu động và đầu tư góp vốn vào các công ty con.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường: Công ty luôn chú trọng việc tuyên truyền về cách thức bảo vệ môi trường từ những việc như phân loại rác thải tái chế, sử dụng tiết kiệm năng lượng điện, nước, tắt khi không sử dụng, hạn chế sử dụng túi nilon, lựa chọn sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường để thay thế... từ những hành động, việc làm nhỏ sẽ góp phần hình thành lối sống tích cực trong cộng đồng CBCNV trong Công ty nói riêng và xã hội nói chung.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty đã và đang tăng cường công tác quản lý nhằm kiểm soát các tác động ảnh hưởng đến môi trường, đảm bảo sử dụng và quản lý hiệu quả các nguồn hàng hóa đầu vào, áp dụng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.3 Tiêu thụ năng lượng: Công ty đặc biệt chú trọng đến việc tiết kiệm nhiên liệu năng lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Công ty luôn ý thức trong việc tuyên truyền trong hệ thống CBCNV ý thức sử dụng tiết kiệm điện, tắt các thiết bị điện không sử dụng, sử dụng các nguồn năng lượng sạch, tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên và năng lượng tái chế.

6.4 Tiêu thụ nước: Tiết kiệm tiêu thụ nước cũng là một trong những vấn đề được Công ty chú trọng, CBCNV của Công ty luôn có ý thức trong việc sử dụng và tái chế lượng nước đã sử dụng một cách hiệu quả.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2022: 53 người. Mức lương bình quân: 8.355.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Chế độ làm việc: Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ lễ tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ...theo đúng quy định của pháp luật.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Hàng năm Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng về

chuyên môn, nghiệp vụ. Công ty cũng thường xuyên bổ sung nhân sự phù hợp với nhu cầu công việc với các chính sách để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty có chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty có chính sách thưởng hàng kì, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể căn cứ vào hiệu quả công việc cũng như những thành tích nổi bật.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm tới đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ nhân viên.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty tích cực tham gia các hoạt động, phong trào hỗ trợ, phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội và giáo dục; tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, ... góp phần giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội nhằm thúc đẩy phát triển mạnh mẽ xã hội văn minh và bền vững.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

- Nhìn chung năm 2022 là một năm đầy khó khăn và thách thức với Công ty khi thị trường kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường, chưa kể dịch bệnh covid vẫn còn diễn biến phức tạp tại một số quốc gia lớn đã tác động đến toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung và Công ty nói riêng. Mặc dù chưa đạt được lợi nhuận như kế hoạch đề ra, nhưng HĐQT, BKS và Ban giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã từng bước tiếp cận và vượt qua khó khăn, thách thức để cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh của Công ty và mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh mới như chế biến thực phẩm (gà, lợn, cá, ...), kinh doanh khí LPG, cung cấp các giải pháp y tế, phân phối thực phẩm bảo vệ sức khỏe... tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

- Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu, chi của công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho Nhà nước.

- Công tác tiếp thị, mở rộng thị trường được Ban Giám đốc công ty đặc biệt quan tâm và trực tiếp thực hiện các mảng kinh doanh chính của công ty. Công ty tiếp tục phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh được cải thiện đáng kể. Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập ổn định.

b) *Những tiến bộ công ty đã đạt được:*

Công ty đã tập trung tái cơ cấu quản trị; thu hồi các khoản đầu tư không hiệu quả; bổ sung vốn lưu động cho hoạt động đầu tư dài hạn vào các lĩnh vực có tiềm năng. Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực xúc tiến mở rộng thị trường hoạt động, tìm kiếm các cơ hội đầu tư hiệu quả, từng bước đưa công ty ổn định và phát triển bền vững.

2. Tình hình tài chính:

a) *Tình hình tài sản*

- *Tình hình tài sản tại Báo cáo tài chính riêng*

Đơn vị tính: đồng

| STT | Khoản mục | Số cuối năm | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|-----------|------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 172.390.508.594 | 116.157.084.897 | 148,41%% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 52.577.438.636 | 2.366.723.070 | 2.221,5% |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 39.713 | 39.713 | 100% |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 101.765.756.080 | 50.762.713.241 | 200,04% |
| 4 | Hàng tồn kho | 17.937.666.718 | 62.886.554.046 | 28,52% |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 109.607.447 | 141.054.827 | 77,70% |
| II | Tài sản dài hạn | 183.514.174.337 | 129.758.144.330 | 141,42%% |
| 1 | Tài sản cố định | 1.283.333.333 | 1.540.000.000 | 83,33% |
| 2 | Tài sản dở dang dài hạn | 8.935.665.865 | 8.935.665.865 | 100% |
| 3 | Đầu tư tài chính dài hạn | 173.295.175.139 | 119.282.478.4165 | 145,28% |
| | Tổng cộng tài sản | 355.904.682.931 | 245.915.229.227 | 144,72% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022)

Năm 2022 tình hình tổng tài sản của công ty mẹ tăng so với năm 2021 là 44,72% % do tăng tài sản ngắn hạn 48,41% (chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản

phải thu) và tăng tài sản dài hạn 41.42%% (do tăng tài sản cố định và tăng các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

- *Tình hình tài sản tại Báo cáo tài chính hợp nhất*

Đơn vị tính: đồng

| STT | Khoản mục | Số cuối năm | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|-----------|------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 355.403.152.216 | 262.025.538.504 | 135.63% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 90.281.015.044 | 8.646.594.565 | 1.044,12% |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 39.713 | 39.713 | 100% |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 227.828.141.524 | 183.738.883.542 | 123.99%% |
| 4 | Hàng tồn kho | 35.771.248.592 | 69.042.052.578 | 51.81% |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 1.522.707.343 | 597.968.106 | 254.6% |
| II | Tài sản dài hạn | 45.742.389.025 | 30.249.778.558 | 151.21% |
| 1 | Tài sản cố định | 19.658.757.218 | 10.782.474.828 | 182.32% |
| 2 | Tài sản dở dang dài hạn | 24.087.916.679 | 17.439.129.047 | 138.12% |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 1.995.715.128 | 2.028.174.683 | 98.39% |
| | Tổng cộng tài sản | 401.145.541.241 | 292.275.317.062 | 137.25% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022)

Năm 2022 tình hình tài sản của công ty (hợp nhất) tăng 37.25%% so với năm 2021 là do tăng tài sản ngắn hạn 35.63%% (chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu) và tăng tài sản dài hạn 51.21% (do tăng tài sản cố định và tăng tài sản dở dang dài hạn).

b) *Tình hình nợ phải trả*

- *Tình hình nợ phải trả trên Báo cáo tài chính riêng*

| STT | Khoản mục | Số cuối năm (đồng) | Số đầu năm (đồng) | Tỷ lệ |
|-----|-------------|-----------------------|----------------------|---------|
| 1 | Nợ ngắn hạn | 1.423.053.488 | 663.288.370 | 214.54% |
| 2 | Nợ dài hạn | - | - | |

| | | | | |
|--|-------------------------|----------------------|--------------------|----------------|
| | Tổng nợ phải trả | 1.423.053.488 | 663.288.370 | 214.54% |
|--|-------------------------|----------------------|--------------------|----------------|

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022)

Tình hình nợ phải trả của công ty mẹ trong năm 2022 có sự biến động tăng. Nợ ngắn hạn: đầu năm là 663 triệu đồng cuối năm là 1.4 tỷ đồng tương đương với 214.54% so với năm 2021. Tổng nợ phải trả của Công ty là 1.4 tỷ đồng, không có nợ dài hạn cho thấy Công ty hoạt động chủ yếu bằng nguồn vốn tự có.

- *Tình hình nợ phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất*

| STT | Khoản mục | Số cuối năm (đồng) | Số đầu năm (đồng) | Tỷ lệ |
|-----|-------------------------|-----------------------|----------------------|----------------|
| 1 | Nợ ngắn hạn | 8.503.779.216 | 6.708.347.032 | 126.76% |
| 2 | Nợ dài hạn | 175.157.445 | - | - |
| | Tổng nợ phải trả | 8.678.936.661 | 6.708.347.032 | 129.37% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022)

Tình hình tổng nợ phải trả của công ty (hợp nhất) trong năm 2022 có sự biến động tăng: đầu năm tổng nợ phải trả là 6.7 tỷ đồng, cuối năm tăng lên 8.6 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là tăng các khoản Nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cùng với sự thay đổi về ban quản trị, điều hành, trong năm Công ty cũng đã hoàn thiện mô hình tổ chức cũng như nhân sự trong toàn công ty.
- Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chi phí. Các quy trình, quy chế về quản lý được rà soát, sửa đổi cho phù hợp với mô hình của Công ty ở từng thời điểm.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của toàn thể cán bộ, nhân viên trong công ty.
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Ổn định nhân sự, củng cố và tiếp tục xây dựng Công ty phát triển chắc chắn và hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh đầu tư.
- Sử dụng linh hoạt vốn góp, tối ưu hóa các nguồn lực để đem lại hiệu quả kinh doanh cũng như thực hiện các Dự án của Công ty.
- Hạn chế vốn ứ đọng và thanh khoản kém của các hạng mục đầu tư.
- Sử dụng tối đa hóa nguồn vốn chủ sở hữu, kết hợp vốn tín dụng và các nguồn vốn khác, thu hồi các khoản vốn nhàn rỗi để tái đầu tư.

- Tiếp tục tham gia góp vốn, đầu tư và đẩy mạnh hoạt động hợp tác, liên kết kinh doanh với các Doanh nghiệp khác có tiềm năng nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên trong công ty, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn, ...
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Quản lý tốt chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất) của Công ty được đơn vị kiểm toán chấp nhận tuy nhiên về kiểm toán có nêu ý kiến ngoại trừ của Công ty cổ phần sản xuất Phần Mềm Vinam và các vấn đề nhấn mạnh tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 như sau:

“ Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán:

- Hoạt động sản xuất phần mềm của Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam (Công ty con) với doanh thu trong kỳ 9.572.555.750 VND, giá vốn tương ứng 590.643.277 VND (năm 2021 doanh thu hoạt động này là 10.542.181.817 VND, giá vốn tương ứng là 1.357.077.657 VND). Công ty xác định đây là hoạt động được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành. Chúng tôi chưa thu thập đủ các tài liệu chứng minh Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam đủ điều kiện được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Nếu Công ty không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thì số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp trong kỳ là 1.616.408.116 VND (năm 2021 là 1.729.256.055 VND).”

- Do tính đặc thù của đơn vị sản xuất phần mềm: Doanh thu được ghi nhận tùy từng thời điểm khi có khách hàng (không phát sinh thường xuyên, liên tục). Trong khi đó một số khoản chi lớn của doanh nghiệp thường rơi vào những tháng cuối năm.

- Căn cứ theo nội dung thông tư Thông tư 16/2014/TT-BTTTT; Thông tư 13/2020/TT-BTTTT, doanh nghiệp áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

“ Ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán:

- Thuyết minh số 7 - Trả trước cho người bán ngắn hạn, tại thuyết minh này thể hiện số tiền Công ty và các công ty con ứng trước cho các nhà cung cấp theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, các hợp đồng này vẫn chưa được thực hiện xong.

- Thuyết minh số 9: Hàng tồn kho, tại thuyết minh này thể hiện giá trị hàng hóa của Công ty là phần mềm chuyên dụng phục vụ hoạt động ngành y. Hàng hóa này dự kiến sẽ được tiêu thụ trong năm 2023 theo Nghị quyết phương án kinh doanh số 2906/2022/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2022
- Thuyết minh số 10: Tài sản dở dang dài hạn, Công ty đang trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị tại các phòng khám Nguyễn Thái Sơn, phòng khám Thanh Sơn và phòng khám Ba Đình. Đến thời điểm soát xét, các phòng khám này vẫn chưa đi vào hoạt động.”
- Thuyết minh số 28: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty đang xác định hoạt động sản xuất phần mềm của Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam (Công ty con) là hoạt động được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 về thuế thu nhập doanh nghiệp. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm của Công ty có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế và Cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền.”

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a). Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...):

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên trong việc phát triển bền vững Công ty.

b). Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Trong năm, Công ty đã thực hiện chủ trương tăng cường chấp hành kỷ luật và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, luôn đảm bảo người lao động nhận được mức lương công bằng và xứng đáng với công sức, sự đóng góp của mình. Ngoài ra, Công ty kết hợp với Công đoàn quan tâm chú trọng đến đời sống tinh thần và sức khỏe người lao động, coi con người là cội nguồn của sức mạnh, công ty luôn chú trọng đến chế độ, chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

c). Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, tích cực tham gia đóng góp các quỹ của địa phương.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2022 nền kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa các nước; dịch bệnh Covid vẫn còn kéo dài tại nhiều Quốc gia, thiên tai, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Hoạt động kinh tế toàn cầu đang trải qua một cuộc suy thoái trên diện rộng và mạnh hơn dự kiến. Lạm phát toàn cầu cao chưa từng thấy trong vài thập kỷ qua, tăng từ 4,7% vào năm 2021 lên 8,8% vào năm 2022, dự kiến giảm xuống 6,5% vào năm 2023 và 4,1% vào năm 2024. Lợi nhuận từ kinh doanh dầu mỏ và khí đốt tăng vọt song chi phí năng lượng tăng cao là lực cản lớn đối với tăng trưởng thu nhập và sản xuất. Trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động khó lường, Việt Nam cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng như: lạm phát gia tăng làm giảm sức tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp sản xuất thiếu đơn hàng; lãi suất ngân hàng tăng nhanh dẫn đến các doanh nghiệp không tiếp cận được nguồn vốn để đầu tư sản xuất trong khi chi phí vốn vẫn tăng lên. Tuy một năm khó khăn nhưng Công ty Cổ phần Vinam vẫn cố gắng đưa ra chiến lược để tối ưu hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và nhà đầu tư.

- Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch hóa, thực hiện chặt chẽ theo quy định hiện hành, tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, các chỉ số tài chính năm 2022 đều phản ánh sức mạnh tài chính và bền vững của Công ty.

- Bên cạnh đó Công ty luôn duy trì công tác quản lý an toàn lao động, chất lượng sản phẩm và xử lý môi trường thực hiện tương đối tích cực, trách nhiệm.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến tất cả hoạt động của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động đã tác động trực tiếp đến mọi hoạt động của Công ty trong ngắn hạn, dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu cơ bản của Công ty đều bị ảnh hưởng. Tuy nhiên Ban giám đốc Công ty đã từng bước khắc phục, cải thiện mọi hoạt động để vượt qua được giai đoạn khó khăn, kiểm soát giảm thiểu rủi ro, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban giám đốc đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh trong điều kiện kinh doanh ngày càng khó khăn. Trong năm Ban giám đốc đã có những đánh giá lại toàn bộ hệ thống, đề ra các giải pháp kịp thời, phù hợp, song song với việc tìm kiếm thêm các đối tác chiến lược, mở rộng lĩnh vực kinh doanh để đáp ứng nhu

cầu đa dạng và chủ động trong kinh doanh trước tình hình dịch bệnh chưa được khống chế hoàn toàn.

Trong công tác điều hành, Ban giám đốc đã kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh để Hội đồng quản trị nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường tìm kiếm đối tác, doanh nghiệp mới để mở rộng đầu tư, mở rộng ngành nghề kinh doanh nhằm phát huy tối đa lợi thế kinh doanh.
- Chủ động tìm kiếm, tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất tại các công ty con thuộc hệ thống của CVN để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị Công ty:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|-------------------|--|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Takishita Akira | Chủ tịch HĐQT | 03/11/2018 | |
| 2 | Hà Thị Thu Trang | TV độc lập HĐQT | 03/11/2018 | 21/06/2022 |
| 3 | Nguyễn Mạnh Cường | TV HĐQT | 29/06/2020 | 21/06/2022 |
| 4 | Đặng Việt Thắng | TV HĐQT | 21/06/2022 | |
| 5 | Lê Văn Tuấn | TV độc lập HĐQT | 21/06/2022 | |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, HĐQT đã phân công các thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực: Nhân sự, tiền lương, đầu tư phát triển, kinh doanh, định mức kinh tế kỹ thuật, tài chính kế toán.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện 17 cuộc họp để trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý đối với Ban giám đốc để đưa ra những biện pháp cụ thể tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT trong năm:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|-------------------|--------------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Takishita Akira | 17/17 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Mạnh Cường | 6/17 | 100% | Miễn nhiệm |
| 3 | Hà Thị Thu Trang | 6/17 | 100% | Miễn nhiệm |
| 4 | Đặng Việt Thắng | 11/17 | 100% | Mới được bổ nhiệm |
| 5 | Lê Văn Tuấn | 11/17 | 100% | Mới được bổ nhiệm |

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2022:

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG |
|-----|--------------------|------------|--|
| 1 | 1301/2022/NQ- HĐQT | 13/01/2022 | V/v triển khai phương án chào bán cp ra công chúng |
| 2 | 1804/2022/NQ- HĐQT | 18/04/2022 | Điều chỉnh thời gian dự kiến giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng |
| 3 | 2804/2022/NQ-HĐQT | 28/04/2022 | V/v kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 |
| 4 | 2504/2022/ NQ-HĐQT | 25/04/2022 | V/v: Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| 5 | 0606/2022/NQ- HĐQT | 06/06/2022 | V/v: Điều chỉnh thời gian triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu |
| 6 | 1804/2022/NQ- HĐQT | 18/04/2022 | V/v: điều chỉnh thời gian dự kiến giải ngân số tiền thu được từ đợt phát hành cp ra công chúng |
| 7 | 2705/2022/NQ- HĐQT | 27/05/2022 | V/v: thời gian triển khai phương án chào bán cp cho cổ đông hiện hữu |
| 8 | 2706/2022/NQ-HĐQT | 27/06/2022 | V/v: Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027 |
| 9 | 3006/2022/NQ-HĐQT | 30/06/2022 | V/v: thay đổi Giám đốc và Kế toán |

| | | | |
|----|--------------------|------------|--|
| | | | trưởng Công Ty |
| 10 | 0808/2022/NQ-HĐQT | 08/08/2022 | V/v: thay đổi người phụ trách quản trị Công ty |
| 11 | 1008/2022/NQ-HĐQT | 10/08/2022 | V/v: Tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Vinam |
| 12 | 1808/2022/NQ- HĐQT | 18/08/2022 | V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 |
| 13 | 0410/2022/NQ-HĐQT | 04/10/2022 | V/v: Bổ nhiệm kế toán trưởng Công Ty |

Năm 2022, Hội đồng quản trị chưa hoàn thành việc phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ như kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Hội đồng quản trị vẫn đang tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết để xin cấp phép phát hành từ các cơ quan quản lý nhà nước.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng.

Thành viên HĐQT độc lập luôn tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập luôn tham dự các cuộc họp do Hội đồng quản trị tổ chức.

2. Ban Kiểm soát

a, Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/Không còn là thành viên BKS | | Trình độ chuyên môn |
|-----|------------------|----------------|--|-----------------|---------------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | |
| 1 | Đào Thị Thanh | Thành viên BKS | 03/11/2018 | 21/06/2022 | Cử nhân kế toán |
| 2 | Nguyễn Thị Hương | Thành viên BKS | 03/11/2018 | 21/06/2022 | Cử nhân kế toán |

| | | | | | |
|---|----------------------|-------------------|------------|------------|--------------------|
| 3 | Nguyễn Thị Hà | Thành viên BKS | 03/11/2018 | 21/06/2022 | Cử nhân kế toán |
| 4 | Nguyễn Thị Thương | Thành viên BKS | 21/06/2022 | | Cử nhân kế toán |
| 5 | Ngô Thị Tâm | Thành viên BKS | 21/06/2022 | | Cử nhân kế toán |
| 6 | Trần Thị Duyên | Thành viên BKS | 21/06/2022 | | Cử nhân kế toán |

Các cuộc họp của BKS trong năm:

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 1 | Đào Thị Thanh | 2/5 | 100% | 100% tán thành | Miễn nhiệm |
| 2 | Nguyễn Thị Hường | 2/5 | 100% | 100% tán thành | Miễn nhiệm |
| 3 | Nguyễn Thị Hà | 2/5 | 100% | 100% tán thành | Miễn nhiệm |
| 4 | Nguyễn Thị Thương | 3/5 | 100% | 100% tán thành | Mới bổ nhiệm |
| 5 | Ngô Thị Tâm | 3/5 | 100% | 100% tán thành | Mới bổ nhiệm |
| 6 | Trần Thị Duyên | 3/5 | 100% | 100% tán thành | Mới bổ nhiệm |

b, Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Năm 2022, Hội đồng quản trị đã hoàn thành việc phát

hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ như kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

- Ngoài ra Ban kiểm soát đã xem xét, rà soát, kiểm tra việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán, quản lý tài sản của Công ty; các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập. Các báo cáo tài chính năm 2022 được Ban kiểm soát đánh giá là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác: HĐQT, BKS, Ban giám đốc được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHCĐ và quy chế hoạt động của HĐQT, BKS.

Công ty áp dụng chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2022, để chia sẻ khó khăn với Công ty trong giai đoạn dịch bệnh kéo dài, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã thống nhất không nhận thù lao.

Tiền lương, thưởng và các khoản lợi ích khác của Ban Giám đốc: ông Nguyễn Mạnh Cường – Giám đốc) trong năm 2022 là 150.000.000 đồng, bình quân 25.000.000 đồng/tháng (từ tháng 1-6/2022) Ông Đặng Việt Thắng (Giám đốc) trong năm 2022 là 175.000.000 đồng, bình quân 35.000.000 đồng/tháng (từ tháng 7-12/2022)

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|---|---------------------------|-------------|----------------------------|-----------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Nguyễn Mạnh Cường | TV HĐQT (đến ngày 21/06/2022) kiêm Giám đốc (đến ngày 01/07/2022) | 2.500.00 0 CP | 12.63 %% | 1.800.00 0 CP | 6,06 % | Bán |

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

d. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

- . Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

- . Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---|---------------------------------|---|--|
| 1 | Công ty TNHH Vinam Vũng Áng | Công ty con | 30021 86193 | Tổ dân phố Đông Trinh, Phường Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh | Q4/2022 | | HĐ mua bán thực phẩm đông lạnh, giá trị : 6.300.105.000 đồng |

e. Thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống Quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty được đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:

<https://vinamgroup.com.vn/bao-cao-tai-chinh-nam-2022-cong-ty-me-va-giai-trinh-loi-nhuan/>

<https://vinamgroup.com.vn/bao-cao-tai-chinh-hop-nhat-nam-2022-va-giai-trinh-loi-nhuan/>

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VINAM
ĐẶNG VIỆT THẮNG

